

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

TẠO HỨNG THÚ VÀ CẢI THIỆN KỸ NĂNG NGHE HIỂU CHO HỌC SINH LỚP 10 THÔNG QUA VIỆC HỌC VỚI VIDEO

Lĩnh vực/ Môn: Ngoại ngữ

Cấp học: THPT

Tên Tác giả: NGUYỄN THỊ THU HẰNG

Đơn vị công tác: Trường THPT Phan Đình Phùng

Chức vụ: Giáo viên

NĂM HỌC: 2020 -2011

MỤC LỤC

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1.1.1. Đặt vấn đề và lý do chọn đề tài	1
1.1.2. Đối tượng nghiên cứu, thời gian và phạm vi nghiên cứu	2
 PHẦN II: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ	4
2.1. CƠ SỞ LÝ THUYẾT	4
2.1.1. Cơ sở lý thuyết của kỹ năng nghe hiểu	5
2.1.1.1. Định nghĩa về kỹ năng nghe	5
2.1.1.2. Sự tiếp nhận thông tin trong quá trình nghe.....	6
2.1.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng nghe của học sinh	7
2.1.2. Sử dụng video cho việc dạy nghe hiểu	9
2.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	10
2.2.1. Cơ sở lý thuyết phương pháp nghiên cứu định	10
2.2.2. Nghiên cứu hành động (action research)	11
2.3. THU THẬP SỐ LIỆU	11
2.3.1. Phiếu khảo sát	11
2.3.2. Bài kiểm tra đánh giá năng lực	12
2.4. PHÂN TÍCH SỐ LIỆU	14
2.5. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY	14
2.6. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	16
2.6.1. Hiệu quả của video trong nghe hiểu của mỗi nhóm.....	16
2.6.2. Quan điểm của học sinh về việc sử dụng video trong học nghe hiểu.....	16
PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	21
3.1. Kết luận	21
3.2. Khuyến nghị	22
3.3. Hạn chế và gợi ý cho các nghiên cứu khác	22
 TÀI LIỆU THAM KHẢO	23

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Đặt vấn đề và lý do chọn đề tài

Trong xu thế toàn cầu hóa ngày nay, tầm quan trọng của Tiếng Anh là không thể phủ nhận và bỏ qua được vì nó được dùng phổ biến ở mọi nơi trên thế giới. Đặc biệt đối với một nước đang phát triển như Việt Nam, Tiếng Anh đã được giảng dạy từ rất sớm cũng như nhiều người trẻ đã nhận thức được tầm quan trọng của nó vì những lý do như tìm được một công việc chất lượng cao, giao tiếp với thế giới bên ngoài, tiếp cận những nguồn khoa học mà mình đang theo đuổi. Đó cũng là lý do tại sao các trường THPT đang nâng cao việc giảng dạy và học tập môn Tiếng Anh. Trong bốn kỹ năng ngôn ngữ, kỹ năng nghe hiểu trong Tiếng Anh đóng một vai trò quan trọng trong việc học ngoại ngữ và sự tiến bộ trong kỹ năng nghe góp phần không nhỏ trong việc thành thạo một ngoại ngữ đối với người học. Điều này đặt ra một vấn đề cho người dạy là phải làm thế nào để luyện kỹ năng nghe hiểu cho học sinh một cách hiệu quả nhất. Để làm được điều đó thì cần phải tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến việc học nghe của học sinh nhằm hạn chế những khó khăn mà học sinh gặp phải.

Hiện tại tôi đang giảng dạy Tiếng Anh cho học sinh lớp 10D3, D6 và 10D1 tại trường Phan Đình Phùng. Các học sinh đang học tiếng Anh với sách tiếng Anh thí điểm của bộ giáo dục. Sách Tiếng Anh thí điểm 10 được chia thành 10 unit, mỗi unit là một chủ đề xuyên suốt. Các em được học 8-10 tiết cho một unit, các kỹ năng nghe nói đọc và viết được chú trọng. Riêng kỹ năng nghe, các em có một tiết riêng để luyện tập. Trong quá trình giảng dạy kỹ năng nghe, tôi nhận thấy một số khó khăn của xuất phát từ cả giáo viên và học sinh.

Về phía giáo viên, khó khăn lớn nhất mà giáo viên gặp phải trong việc dạy nghe là kiến thức về từ vựng và ngữ pháp cơ bản của học sinh còn yếu. Mặc dù các em học tiếng Anh hơn 6 năm nhưng vốn từ vựng của các em còn rất ít và phần lớn các em không nắm vững những điểm ngữ pháp cơ bản. Chính vì vậy, giáo viên mất rất nhiều thời gian để giải thích nội dung trong các bài tập nghe và phải cho các em nghe đi nghe lại rất nhiều lần nhưng vẫn không nhận ra các từ được nội dung trong bài. Hơn nữa, hầu hết các giáo viên khẳng định những bài nghe

trong sách giáo khoa Tiếng Anh 10 có nhiều từ vựng khó và học sinh không quen với giọng của người bản xứ nên học sinh gặp khó khăn trong việc làm bài tập và cảm thấy không có hứng thú để học. Bên cạnh đó, trở ngại trong việc dạy kỹ năng nghe là do học sinh không thích học nghe bởi vì kỹ năng này khó.

Nhìn chung, những khó khăn trong việc dạy kỹ năng nghe đều xuất phát từ học sinh. Do vậy, giáo viên ngoài việc cải thiện vốn kiến thức tiếng Anh nên tặng cho học sinh và kích thích hứng thú ở các em trong việc học kỹ năng nghe còn cần phải cải biến lại một số bài nghe và bài tập khó để phù hợp với trình độ của học sinh.

Về phía học sinh, hầu hết các học sinh đều thừa nhận rằng kỹ năng nghe là kỹ năng khó đạt nhất và các học sinh cảm thấy không hứng thú với kỹ năng này. Học sinh không quen với giọng của người bản xứ trong các bài nghe. Học sinh cảm thấy nghe dễ hơn khi giáo viên đọc bài vì giáo viên đọc khá chậm và họ quen với giọng của giáo viên. Số đông học sinh gặp khó khăn trong việc học nghe vì họ thiếu kiến thức về từ vựng và ngữ pháp Tiếng Anh. Các em có thể nghe được âm thanh phát ra nhưng không thể ghi ra được chính xác từ đó vì vốn từ vựng của các em rất ít. Đây được xem là khó khăn lớn nhất và ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả học môn tiếng Anh của học sinh.

Từ hiện trạng trên, tôi đã thực hiện một nghiên cứu **“Tạo hứng thú và cải thiện kỹ năng nghe hiểu cho học sinh lớp 10 thông qua việc học với video”** để tìm hiểu liệu việc áp dụng video trong dạy kỹ năng nghe hiểu có giúp các em có thêm hứng thú khi học tiết nghe và cải thiện kỹ năng nghe hiểu cho các em.

1.2. Đối tượng nghiên cứu, thời gian và phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành tại trường THPT Phan Đình Phùng và đối tượng nghiên cứu là 124 học sinh lớp 10 gồm 45 học sinh lớp 10 D6, 42 học sinh lớp 10 D3 và 37 học sinh lớp 10D1 thời gian thực hiện nghiên cứu trong 5 tháng (từ 26/9/2020 – 26/2/2021). Tất cả học sinh này đã học tiếng Anh được hơn 6 năm, có trình độ từ sơ cấp. Học sinh được hướng dẫn để cải thiện kỹ năng nghe hiểu qua việc học với video. Các tiết học nghe, học sinh được tiếp cận với tài liệu nghe

thông qua video. Trước và sau thời gian nghiên cứu, học sinh được kiểm tra trình độ nghe để đánh giá khả năng.

Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá mức độ hiệu quả của việc sử dụng video trong giảng dạy kỹ năng nghe hiểu Tiếng Anh cho học sinh lớp 10 trường Phan Đình Phùng. Các video được chọn lọc dựa trên các yếu tố được cân nhắc như: tạo động lực và phù hợp với sở thích của học sinh; nội dung phù hợp với các chủ đề trong sách; thông tin được đưa ra rõ ràng; tốc độ nói trong video phù hợp với trình độ của học sinh để nắm bắt thông tin; độ dài của video (mỗi phần không quá 5 phút). Video được chọn từ nhiều nguồn như phim, bài hát, talk show, tin tức và quảng cáo. Mỗi video được sử dụng trong một phần của bài học. Một vài video như talk show, phim được chỉnh sửa lại để phù hợp về độ dài.

Nghiên cứu được thực hiện nhằm trả lời những câu hỏi nghiên cứu sau:

1. Việc sử dụng video trong dạy kỹ năng nghe có khơi gợi hứng thú trong việc học nghe?
2. Việc sử dụng video có giúp học sinh cải thiện kỹ năng nghe hiểu?

PHẦN II: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

2.1. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

Những khó khăn trong việc luyện tập kỹ năng nghe hiểu mà người học đang gặp phải cũng như sự phức tạp của kỹ năng nghe hiểu đã và đang được quan tâm của các nhà nghiên cứu về ngôn ngữ cũng như các giáo viên dạy ngoại ngữ để tìm ra những phương pháp giúp cho người học ngoại ngữ phát triển được kỹ năng này. Theo Hamouda (2013) và Pourhosein Gilakjani và Sabouri (2016), người học thường gặp khó khăn trong việc học nghe là bởi các giáo viên thường tập trung vào dạy ngữ pháp, đọc hiểu, từ vựng trong khi đó kỹ năng nghe và nói thường ít được chú trọng. Ngoài ra, người học ngoại ngữ thường có xu hướng nắm chắc ngữ pháp và đọc hiểu hơn là nghe và nói. Trong những năm gần đây, bộ sách giáo khoa thí điểm của Việt Nam đã rất chú trọng đến kỹ năng nghe và nói cho học sinh ở các cấp. Tuy nhiên, phần lớn học sinh vẫn còn gặp khó khăn khi học kỹ năng nghe hiểu. Có rất nhiều cách thức được thực hiện để giúp người học cải thiện kỹ năng nghe như giáo viên sẽ dạy trước từ mới trong bài nghe, đưa ra các hoạt động trước khi nghe, cung cấp những hiểu biết, kiến thức liên quan đến nội dung bài nghe... Một trong những cách thức đó, việc sử dụng video đã và đang được áp dụng hiệu quả để phát triển kỹ năng nghe cho người học. Video được đánh giá một trong những tài liệu học tập hữu ích để giúp khơi gợi sự hứng thú khi luyện tập kỹ năng nghe cho người học cũng như giúp người học phát huy được khả năng nghe hiểu của mình. Trong những nghiên cứu gần đây, việc sử dụng video trong việc dạy học ngoại ngữ có được những phản hồi tốt từ người dạy, người học và các nhà nghiên cứu về dạy ngoại ngữ. Những nghiên cứu gần đây được thực hiện để đánh giá những hiệu quả của việc sử dụng video trong việc dạy và học ngoại ngữ trong các khía cạnh như: việc cung cấp những ngữ liệu xác thực (authentic); cải thiện kỹ năng nghe hiểu; Khơi gợi hứng thú trong việc luyện kỹ năng nghe hiểu; Cải thiện kết quả học tập trong kỹ năng nghe hiểu và có được sự hiểu biết về sự thể hiện của phi ngôn ngữ (non-verbal expression). Việc sử dụng video trong việc giảng dạy video được cho rằng hiệu quả hơn so với cách giảng dạy truyền thống bởi theo kết quả của những nghiên cứu cho rằng hình ảnh và phụ đề trong video

giúp người học có động lực và hứng thú hơn trong việc học, người học cảm thấy dễ dàng hơn để nắm bắt thông tin trong bài nghe. Hơn nữa, việc kết nối giữa phần âm thanh, hình ảnh và phụ đề là cách hiệu quả để người học có thể luyện nghe và đọc cùng một lúc. Tóm lại, video mang lại cho người học ngữ cảnh, hình ảnh và biểu đạt phi ngôn ngữ; những yếu tố này giúp cho người học nắm bắt được nội dung dễ dàng và hiệu quả hơn so với các học nghe truyền thống.

Việc học nghe không chỉ đơn giản là nghe dịch từng từ (simple word-by-word translation), mà còn liên quan đến việc hiểu kĩ về nghĩa trong ngữ cảnh. Giáo viên nên hướng dẫn cho học sinh hiểu kĩ nội dung trong ngữ cảnh để học sinh có thể biết cách vận dụng trong những hội thoại thực tế trong khi giao tiếp. Do đó, để phát triển kĩ năng nghe, việc chọn được những tài liệu nghe chuẩn để giảng dạy và biết cách vận dụng hiệu quả là rất trọng. Các nguồn tài liệu nghe bằng video được đánh giá cao vì nó cung cấp các từ ngữ và cách diễn đạt trong cuộc sống hàng ngày. Những nhà nghiên cứu cũng nhận định rằng việc vận dụng video trong giảng dạy cũng được yêu thích hơn so với việc dùng tài liệu nghe thông. Cụ thể như, video giúp việc nghe hiểu trở nên dễ dàng và thu hút sự chú ý của người học qua cả hình ảnh và âm thanh.

2.1.1. Cơ sở lý thuyết của kĩ năng nghe hiểu

2.1.1.1. Định nghĩa về kĩ năng nghe

Lindsay và Knight (2006) cho rằng kĩ năng nghe là một kĩ năng tiếp nhận ngôn ngữ hơn là tạo ra ngôn ngữ. Tuy nhiên, nghe không hoàn toàn là một kĩ năng thụ động. Việc xem xét kĩ nghe nghe là chủ động hay bị động là phụ thuộc vào người nghe. Hai tác giả nói trên cũng đưa ra ví dụ để minh họa cho định nghĩa của mình. Khi người nghe tham gia vào một cuộc hội thoại thì kĩ năng nghe được cho là chủ động vì khi đó người nghe có quyền tạm dừng cuộc hội thoại đó để đặt câu hỏi cho người nói, nhưng khi nghe một bản tin trên đài hoặc phương tiện thông tin đại chúng thì việc nghe trở nên bị động hơn.

Theo ý kiến của Helgesen (2003), nghe là một kĩ năng chủ động và có mục đích; khi nghe mọi người không chỉ nắm bắt những gì họ đang nghe mà còn kết nối chúng với những thông tin họ đã biết. Hơn thế nữa, tác giả này cũng chỉ ra

rằng khi chúng ta nghe, chúng ta không đơn thuần là nghe từ ngữ mà chúng ta cần phải nghe những hàm ý ẩn chứa sau những từ ngữ ấy.

2.1.1.2. Sự tiếp nhận thông tin trong quá trình nghe

Nghe hiểu trong việc học ngoại ngữ là một quá trình phức tạp. Có hai quá trình khác biệt trong việc nghe hiểu. Thứ nhất, người học sử dụng quá trình tiếp nhận thông tin theo hướng “top-down”. Cụ thể là, người học sử dụng những kiến thức có sẵn để hiểu nội dung cần tiếp nhận. Mặt khác, người học có thể sử dụng theo hướng “bottom-up”. Nói cách khác, người học sử dụng những kiến thức về ngôn ngữ để hiểu nội dung nghe. Do đó, theo hướng tiếp cận “bottom-up” người nghe tập trung vào các từ và cụm từ riêng biệt và nắm bắt nội dung từ những đơn vị nhỏ nhất của ngôn ngữ nói cho đến nội dung chung của bài. Còn theo hướng “top-down”, người nghe nắm bắt nội dung chung và các ý chính của bài nghe. Họ hiểu ý định của người nói thông qua việc vận dụng những kiến thức nền. Việc nắm bắt thông tin này dựa vào hiểu biết được tích lũy trước đây của người nghe giúp người nghe có khả năng tiếp nhận những thông tin trong bài một cách dễ dàng. Mặt khác, vẫn còn những tranh cãi xoay quanh việc nắm bắt thông tin là dựa vào sự kết hợp của cả hai hướng “top-down” và “bottom-up” của người nghe. Việc kết hợp của cả hai hướng này trong quá trình nghe thể hiện rằng người nghe “xử lý” thông tin một cách linh hoạt.

Việc dạy kỹ năng nghe hiểu đóng một vai trò quan trọng trong việc giảng dạy ngoại ngữ. Mặc dù kỹ năng nghe là một kỹ năng tiếp nhận (passive skill) nhưng người học cần nắm vai trò chủ động tiếp nhận thông tin qua dữ liệu nghe và hình ảnh. Cải thiện kỹ năng nghe cho người học ngoại ngữ thì không dễ dàng bởi người học phải xử lý nội dung dựa trên kiến thức nền (content knowledge) và kiến thức về ngôn ngữ (linguistic knowledge) cùng một lúc trong khi nghe. Theo khảo sát, người học gặp phải khó khăn trong quá trình nghe hiểu bởi vì học không thể kiểm soát được tốc độ bài nghe. Hơn nữa, người học gặp khó khăn trong việc tập trung trong quá trình nghe. Đối với những người học có sự hạn chế trong việc tư duy (cognitive constraints) thì rất khó khăn để nắm bắt thông tin khi nghe ngoại ngữ

bởi nó không quen thuộc như ngôn ngữ mẹ đẻ. Do đó, dựa trên những khía cạnh lý thuyết của việc học nghe, việc dạy nghe hiểu cho người học trở nên phức tạp và khó khăn đối với giáo viên và người học.

2.1.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến kĩ năng nghe của học sinh

Sue (2003) đã chỉ ra rằng những khó khăn mà người học tiếng Anh gặp phải là tốc độ nói, các cụm từ và thuật ngữ mới, sự tập trung và môi trường xung quanh. Ngoài ra, một số nhà nghiên cứu khác (Sun, 2002 & Teng, 2002) cũng cho rằng các yếu tố như kiến thức cơ bản, kiến thức ngôn ngữ đối với ngôn ngữ đích, tốc độ nói, mức độ hồi hộp, lo lắng và thiếu chiến lược khi nghe cũng ảnh hưởng đến khả năng nghe của người học.

Nunan (1991) cũng đã chỉ ra bốn nhân tố cơ bản có thể gây ảnh hưởng đến khả năng nghe của người học, chẳng hạn như thông tin được nghe, người nói, người nghe và các yếu tố khách quan bên ngoài.

Về thông tin được nghe, nhiều người học nhận thấy thật khó khăn khi nghe một đoạn văn được ghi lại trong băng hơn là nghe đọc trực tiếp đoạn văn đó. Nguồn tư liệu nghe có thể liên quan đến hầu hết mọi mặt trong đời sống. Trong nhiều trường hợp, người nghe không thể đoán được người nói sẽ nói gì. Bên cạnh đó, những thông tin được ghi lại trong băng thường được phát với tốc độ khá nhanh. Không những thế, những đặc điểm ngôn ngữ trong đoạn thông tin được nghe cũng ảnh hưởng đến khả năng nghe của người học. Đọc nối hoặc lược bỏ là những hiện tượng phổ biến gây cản trở người học trong việc phân biệt hoặc nhận dạng các từ đơn lẻ trong một chuỗi lời nói. Trong những đoạn hội thoại liên tục, người nói thường sử dụng câu sai ngữ pháp vì hồi hộp hoặc sự do dự. Họ có thể lược bỏ một số yếu tố trong câu hoặc thêm vào những yếu tố không cần thiết. Điều này gây khó khăn cho người học trong việc hiểu nghĩa của thông tin được nghe.

Về người nói, Ur (1984) chỉ ra rằng trong những đoạn hội thoại thông thường hoặc thậm chí những bài giảng, chúng ta thực sự nói nhiều hơn những gì

cần xuất hiện để thể hiện lượng thông tin cần nói. Những phần nói thừa như lặp từ, nói lại ý, tự sửa, việc thêm vào những yếu tố không có nghĩa chẳng hạn như “Ý của tôi là” (I mean) hoặc “Bạn biết” (You know) . Những yếu tố thừa này là đặc điểm tự nhiên của lời nói và có thể giúp ích hoặc cản trở việc nghe của học sinh, tùy thuộc vào khả năng của học sinh. Điều này có thể gây khó khăn cho người bắt đầu học khi hiểu những gì mà người phát ngôn đang nói, mặt khác, nó cũng có thể giúp cho học sinh khá, giỏi làm quen với giọng điệu của người nói và phong cách lời nói. Người học có khuynh hướng quen với giọng đọc của giáo viên hoặc Tiếng Anh Anh hoặc Anh Mỹ chuẩn. Người học thấy khó khi hiểu những phương ngữ khác nhau của người nói. Finocchiaro (1973) cho rằng: “Chúng ta quen với phong cách nói của người nói và tình huống mà chúng ta nghe hoặc tình huống chúng ta tham gia cũng như việc liên kết từ vựng; tất cả những điều đó chỉ giúp chúng ta nghe được 50% những gì được nói ra và để “giải mã” hoặc “hiểu thông tin”. Chẳng hạn, nếu người bản xứ chỉ nghe được 50% lượng thông tin được nói ra thì đối với những học sinh bị hạn chế tiếp xúc với những tình huống hàng ngày sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc nghe hiểu. Những khó khăn trong việc nghe lại liên quan đến khả năng nhận ra và hiểu những gì người khác đang nói.

Về người nghe, người học ngoại ngữ không quen với quy tắc sắp xếp từ trong tiếng Anh để đoán ra từ hoặc cụm từ còn thiếu. Chẳng hạn, họ có thể không biết là từ “rosy” thường đi kèm với từ “cheeks” hoặc họ không thể đoán ra từ cuối cùng là “rage” khi họ nghe câu “he was in a towering...” Đây trở thành một khó khăn lớn đối với người học nghe. Theo Anderson và Lynch (1988), việc thiếu kiến thức về văn hóa, xã hội, thực tế và kiến thức về ngữ cảnh trong ngôn ngữ đích có thể là một trở ngại trong việc nghe hiểu bởi vì ngôn ngữ thường được dùng để thể hiện văn hóa của đất nước đó.

Cả yếu tố tâm lý và yếu tố vật lý đều có ảnh hưởng tiêu cực đến việc nhận thức và việc luyện tập để cải thiện kỹ năng nghe. Học sinh sẽ rất mệt mỏi khi phải tập trung để nhận ra những âm thanh, những từ và câu không hề quen thuộc trong một thời gian dài.

Về các yếu tố khách quan bên ngoài, ngoài những yếu tố kể trên thì tiếng ồn (bao gồm tiếng ồn trong băng và tiếng ồn bên ngoài) cũng có thể làm cho người nghe sao nhãng. Việc nghe theo băng hoặc nghe trên đài sẽ thiếu đi các yếu tố về mặt thị giác, tức là người nghe sẽ khó hiểu ý của người nói khi không nhìn thấy cử chỉ và cách thể hiện nét mặt của người nói. Ngoài ra, những âm thanh không rõ do chất lượng trang thiết bị kém cũng sẽ ảnh hưởng đến việc nghe hiểu của người nghe.

2.1.2. Sử dụng video cho việc dạy nghe hiểu

Liên quan đến việc dạy nghe hiểu, nó rất quan trọng để lưu ý rằng người học cần được cung cấp nhiều ngữ liệu để tăng việc nghe hiểu, trái với việc đơn giản là chỉ dựa vào sách giáo khoa. Theo những nghiên cứu gần đây, mỗi người học ngoại ngữ có khả năng nắm bắt được nội dung với các cách khác nhau. Một số người nắm bắt thông tin tốt hơn bằng cách nghe nhìn, người khác thì nắm bắt thông tin qua việc nghe. Việc sử dụng video mang lại cách tiếp cận thông tin cho người người học với các phương pháp khác nhau trong quá trình học để từ đó giúp họ phát triển được kỹ năng nghe nói riêng và khả năng ngôn ngữ nói chung. Vận dụng được những tài liệu qua video mang lại cho người học những trải nghiệm ngôn ngữ thực tế, sinh động và hiệu quả. Hơn nữa những video mang tính giáo dục thì ngày càng được sử dụng phổ biến hơn bởi nó không chỉ đem lại cho người học những kiến thức về cuộc sống mà còn là nguồn tài liệu hữu ích cho việc học. Trong khi tài liệu trong sách giáo khoa có thể trở nên nhàm chán cho người học, thì việc áp dụng những phương pháp mới như sử dụng video sẽ giúp việc học tập trở nên thú vị hơn và thu hút sự chú ý của người học hơn.

Theo nhận định của L. Jones và Plass (2002) và Diao & Chandler (2007), người học người mà học theo cách nghe (aurally) và nhìn (visually) thì thể hiện tốt hơn so với những người chỉ nghe (aurally). Kết quả của nghiên cứu này chứng minh rằng việc sử dụng video là một cách hiệu quả để thúc đẩy khả năng nghe hiểu. Theo nghiên cứu được thực hiện bởi Mathew và Alidmat (2013), các tài liệu nghe –nhìn giúp cho bài học trở nên dễ dàng tiếp nhận hơn cho người học. Người

học không chỉ nghe các nhân vật nói mà còn chú ý đến cả những biểu đạt phi ngôn ngữ để từ đó có thể vận dụng trong giao tiếp thực tế. Những bộ phim được chọn lọc trong quá trình dạy nghe có thể mang lại sự hứng thú nhiều hơn so với nội dung trong sách và băng đĩa mang lại (Heffernan, 2005).

Theo Liu (2008), giáo viên có thể gặp khó khăn trong việc chọn video phù hợp để làm tài liệu dạy học bởi vì video được sử dụng cần phù hợp với trình độ của người học. Ngoài ra, thời gian của một tiết học có thể không đủ để chiếu một bộ phim hoặc một video theo chủ đề của bài học. Tuy nhiên, tất cả những hạn chế này đều có thể được điều chỉnh để việc vận dụng video trong dạy trở nên hiệu quả. Những thuận lợi mà việc sử dụng video trong dạy nghe mang lại nhiều hơn là những bất lợi mà giáo viên và người học gặp phải (Liu, 2008).

Từ những kết quả được chỉ ra trong những nghiên cứu về việc sử dụng video trong dạy nghe được đề cập trên, việc sử dụng video phần lớn được đánh giá cao về lợi ích mà nó đem lại cho người học trong việc cải thiện khả năng nghe hiểu.

2.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.2.1. Cơ sở lý thuyết phương pháp nghiên cứu định

Khi thực hiện nghiên cứu, các nhà nghiên cứu thường áp dụng cách nghiên cứu mà phản ánh được mục đích nghiên cứu và thấy được bản chất của số liệu thu thập được cũng như các công cụ để thu thập dữ liệu. Trong khi các nhà nghiên cứu khoa học tự nhiên thường áp dụng phương pháp nghiên cứu định lượng thì các nhà nghiên cứu xã hội lại sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính. Vì khi nghiên cứu các vấn đề xã hội, các nhà nghiên cứu thấy rằng kết quả của nghiên cứu bị tác động bởi ngoại cảnh, bởi các tác động chủ quan cũng như cách nhìn nhận và thái độ của đối tượng tham gia nghiên cứu. Một điều quan trọng là phương pháp định tính giúp giải quyết nhược điểm của phương pháp định lượng vì người thực hiện nghiên cứu có thể nắm rõ được suy nghĩ và thái độ của đối tượng nghiên cứu (Bryman, 2006).

2.2.2. Nghiên cứu hành động (action research)

Trong nghiên cứu này, tác giả áp dụng một trong những loại nghiên cứu định tính là nghiên cứu hành động – là một chu trình lặp đi lặp lại từ các bước quan sát, lên kế hoạch, thực hiện và đánh giá (Dahlberg và McCaig -2010). Trong quá trình dạy học, có những vấn đề nảy sinh đòi hỏi người dạy cần phải tiến hành các biện pháp để cải thiện tình hình giúp cho việc dạy và học trở nên tốt hơn. Trong nghiên cứu này, việc sử dụng video trong dạy nghe là khá mới đối với học sinh lớp 10 của trường THPT Phan Đình Phùng vì học sinh chủ yếu quen với cách học nghe truyền thống (học nghe qua đĩa). Bên cạnh đó, lợi ích của việc sử dụng video trong dạy nghe cũng chưa rõ ràng đối với giáo viên và học sinh nên nghiên cứu này được thực hiện để tìm hiểu liệu việc sử dụng video trong dạy nghe có thực sự đem lại hứng thú và cải thiện kỹ năng nghe cho học sinh lớp 10 của trường THPT Phan Đình Phùng.

2.3. THU THẬP SỐ LIỆU

Hai công cụ thu thập số liệu được sử dụng là phiếu khảo sát và bài kiểm tra trình độ.

2.3.1. Phiếu khảo sát

Phiếu khảo sát giúp người nghiên cứu thu thập được số liệu với nhiều đối tượng nghiên cứu và đem lại sự tiện lợi cho đối tượng nghiên cứu vì họ chỉ chọn một lựa chọn phù hợp hoặc viết vài từ quan trọng để thể hiện qua điểm của mình. Ngoài ra, theo Sandelowski (2000) phiếu khảo sát còn giúp người nghiên cứu có được những thông tin mà trước đó chưa nghĩ đến. Trong nghiên cứu này phiếu khảo sát được phát cho học sinh vào thời điểm cuối của nghiên cứu nhằm tìm hiểu thái độ và quan điểm của học sinh về việc học nghe với video. Phiếu khảo sát được thiết kế với các lựa chọn theo dạng thước đo Likert để học sinh lựa chọn và một số câu hỏi mở được thêm vào để thu thập thêm ý kiến đánh giá riêng của học sinh về việc học nghe với tài liệu video.

Câu hỏi khảo sát với thang đánh giá sáu bậc của Likert được sử dụng để thu thập thông tin về đối tượng tham gia nghiên cứu lúc đầu nghiên cứu và để khảo sát quan điểm, ý kiến của đối tượng về việc sử dụng nguồn tài liệu video trong các

tiết học nghe. Bản câu hỏi khảo sát gồm có 5 câu hỏi đóng (closed-end question) và hai câu hỏi mở (open-ended question) được thực hiện để tìm hiểu thái độ và ý kiến của đối tượng tham gia về việc sử dụng video để cải thiện khả năng nghe hiểu. Các câu hỏi đóng bao gồm hỏi về sở thích, niềm vui và tính hiệu quả của việc sử dụng video, số lần cần được xem video để nắm bắt được thông tin qua mỗi phần học. Các học sinh cũng được hỏi để đưa ra quan điểm của mình theo năm bậc. (1= hoàn toàn đồng tình, 2 = đồng tình, 3 = trung lập, 2 = không đồng tình, 1= hoàn toàn không đồng tình). Hai câu hỏi mở hướng đến sự đánh giá của học sinh về lợi ích và hạn chế của việc sử dụng video trong quá trình học nghe hiểu. Mỗi học sinh dành khoảng 10 phút để hoàn thành phiếu khảo sát.

2.3.2. Bài kiểm tra đánh giá năng lực

Trong quá trình nghiên cứu, có hai bài kiểm tra được thực hiện để đánh giá trình độ của học sinh: bài kiểm tra trước khi thực hiện nghiên cứu, bài kiểm tra khi kết thúc nghiên cứu.

Để đánh giá trình độ nghe hiểu của học sinh, bài kiểm tra nghe theo dạng thức IELTS (**International English Language Testing System**) là một hệ thống bài kiểm tra về khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh trải dài qua cả bốn kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. Trong đó, tác giả chỉ sử dụng bài kiểm tra nghe để đánh giá khả năng nghe của học sinh trước và sau khi nghiên cứu.

Cấu trúc bài kiểm tra kỹ năng nghe: Thời gian làm bài kiểm tra nghe là 40 phút

- Học sinh sẽ nghe tất cả các câu hỏi và độ khó của từng câu sẽ tăng dần.
- Bài kiểm tra bao gồm nhiều dạng khác nhau như thông tin từ một người, cuộc đàm thoại của hai hoặc nhiều người. Và học sinh sẽ nghe nhiều giọng phát âm của nhiều quốc gia khác nhau.
- Học sinh chỉ nghe được một lần. Tuy nhiên, học sinh sẽ có thời gian để đọc câu hỏi và chuẩn bị câu trả lời.

Bài kiểm tra nghe có bốn phần (số câu hỏi không được chia đều), nghe một lần và các đoạn nghe được ghi kèm trong đĩa. Cuối bài thi các học sinh sẽ có 10 phút để ghi lại kết quả vào Phiếu trả lời câu hỏi.

Phần 1: là các tình huống đời thường là một cuộc nói chuyện nhưng là hỏi đáp, và người đáp thường nói nhiều hơn.

Phần 2: là các tình huống hướng dẫn và giới thiệu về một chủ đề quen thuộc (trường học, khu du lịch, chương trình ca nhạc, triển lãm...) thường chỉ nói bởi một người.

Phần 3: là các tình huống đối thoại giữa ít nhất là hai người, đây là các cuộc thảo luận có tính chất học thuật hơn (Ví dụ: chọn chủ đề khóa luận, đề tài nghiên cứu khoa học).

Phần 4: là một bài thuyết trình về một chủ đề học thuật, thường do một người nói và dùng nhiều từ ngữ mang tính chất học thuật.

Để đảm bảo tính tin tưởng (reliability) của bài kiểm tra trước và sau nghiên cứu, bài kiểm tra đã được thử nghiệm cho 50 học sinh. Dựa theo công cụ xác định độ tin cậy được tính theo hệ số Cronbach's Alpha, chỉ số tin cậy của bài kiểm tra là 0,89 – chỉ số tin cậy chấp nhận được.

2.4. PHÂN TÍCH SỐ LIỆU

Trong nghiên cứu định tính, các thông tin sau khi thu thập được cần được phân loại theo chủ điểm sau đó khái quát hóa để trả lời câu hỏi nghiên cứu (Bryman và Burges – 2002). Trong nghiên cứu này, sau khi thu thập dữ liệu từ phiếu khảo sát và bài kiểm tra năng lực tác giả đọc, phân tích, phân loại và so sánh dữ liệu. Cuối cùng, dữ liệu sau khi được phân tích được phân loại thành các chủ điểm để trả lời câu hỏi nghiên cứu được đặt ra từ ban đầu.

2.5. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

Trong mỗi buổi học, học sinh được hướng dẫn để luyện tập kỹ năng nghe hiểu. Các bước dạy trong bài học được thực hiện như sau.

Các bước trong mỗi buổi học nghe

Các phần học	Các hoạt động
Pre - listening	Cung cấp hình ảnh của nhân vật trong phim/ talk show. Cung cấp kiến thức nền liên quan đến nội dung trong video
While – listening	Giáo viên cung cấp nghĩa của các từ quan trọng trong video Học sinh xem video mà không có phụ đề Giáo viên kiểm tra mức độ hiểu nội dung của học sinh Học sinh điền thông tin còn thiếu vào nội dung trong video và giáo viên kiểm tra
Post - listening	Học sinh thảo luận liên quan đến nội dung trong video.

Mỗi buổi học nghe, học sinh được tiếp cận với các nguồn tài liệu video khác nhau như: quảng cáo, tin tức, talk show, phim và bài hát. Mỗi buổi học đều được phân bổ với các hoạt động trong các phần pre, while, post – listening ví dụ như: học từ

vựng, bài tập kiểm tra nghe hiểu, điền thông tin còn thiếu, thảo luận... Đến giai đoạn cuối cùng của nghiên cứu, học sinh điền vào phiếu khảo sát để báo cáo về việc sử dụng các tài liệu video và thể hiện quan điểm, ý kiến về việc học với video thông qua các câu hỏi mở.

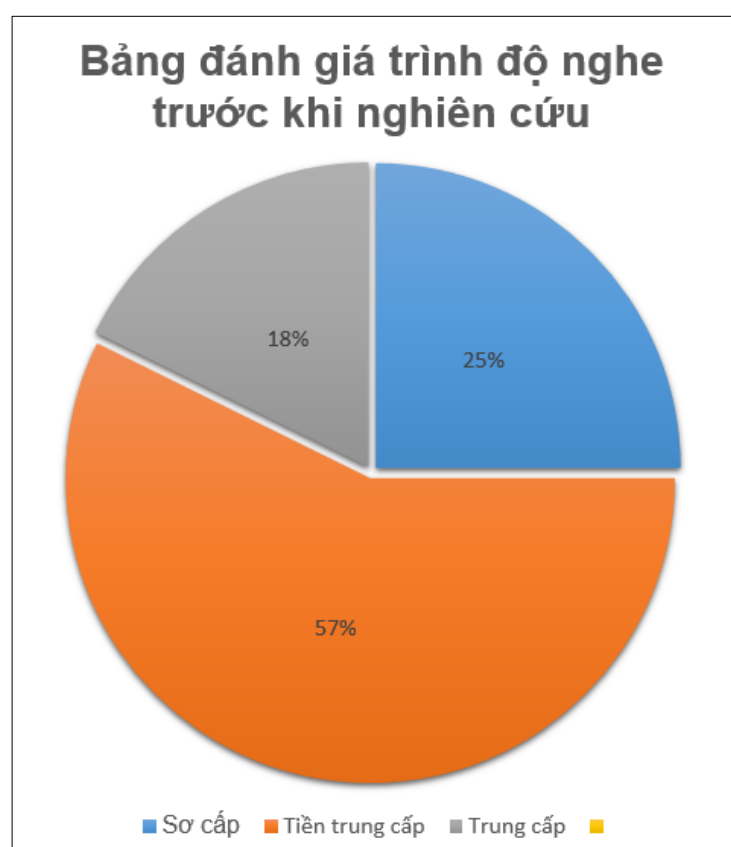
2.6. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.6.1. Hiệu quả của video trong nghe hiểu của mỗi nhóm

Sau khi thu thập các số liệu từ bài kiểm tra năng lực nghe và bản khảo sát, bản phân tích số liệu được thực hiện để trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu lúc đầu. Để đánh giá hiệu quả của việc áp dụng video trong dạy nghe, hai bài kiểm tra trình độ nghe đã được thực hiện. Kết quả được tổng hợp theo bảng biểu.

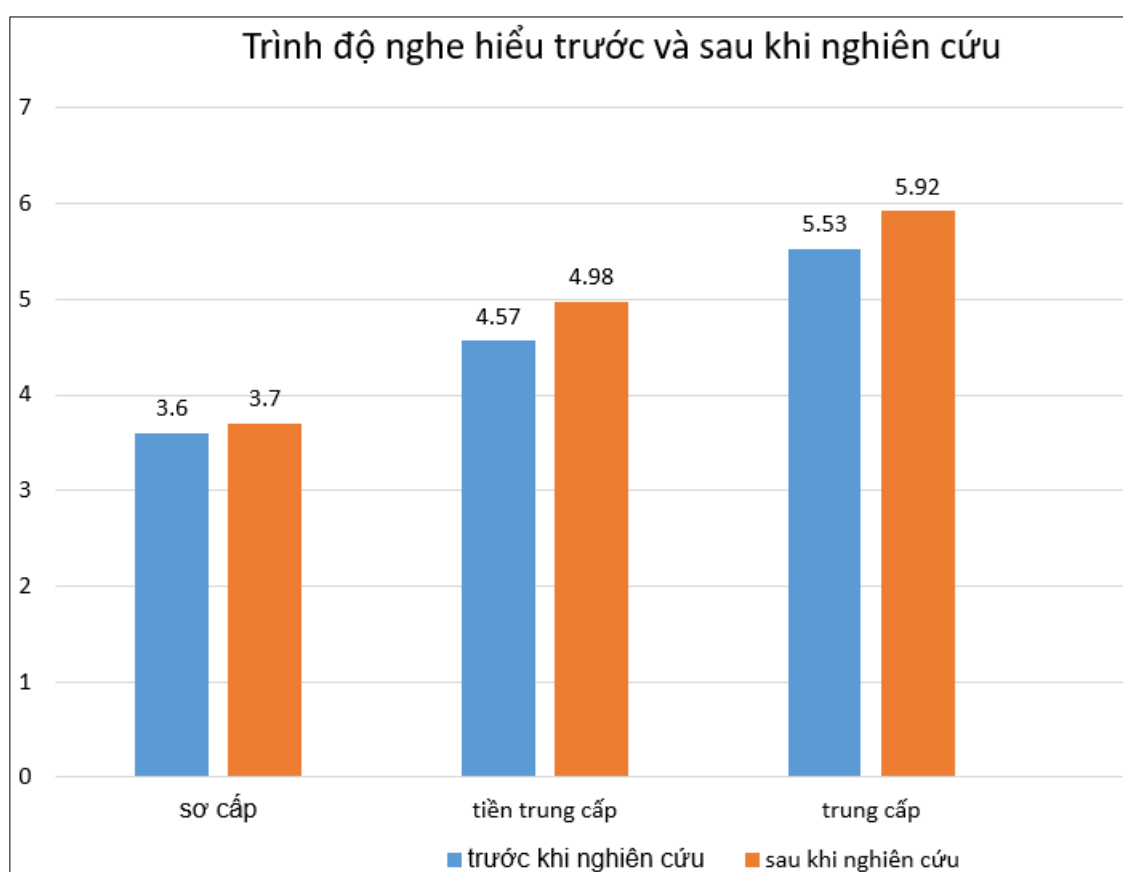
Bảng đánh giá trình độ nghe của học sinh trước khi nghiên cứu

	Sơ cấp	Tiền trung cấp	Trung cấp
Số hs và tỉ lệ	31/124 (25 %)	71/124 (57.3 %)	22/124 (17.7 %)
Khoảng điểm IELTS	3.4-4.0 / 9.0	4.5-5.0 / 9.0	5.5- 6.0/ 9.0
Trung bình	3.6/ 9.0	4.57/ 9.0	5.53/ 9.0



Bảng đánh giá trình độ nghe của học sinh sau khi nghiên cứu

	Sơ cấp	Tiền trung cấp	Trung cấp
Số hs và tỉ lệ	31/124 (25 %)	71/124 (57.3 %)	22/124 (17.7 %)
Khoảng điểm IELTS	3.4-4.0 / 9.0	4.5-5.0 / 9.0	5.5- 6.0/ 9.0
Trung bình	3.7/ 9.0	4.98/ 9.0	5.92/ 9.0



Kết quả với nhóm ở trình độ sơ cấp

Kết quả của nhóm thuộc trình độ sơ cấp lúc đầu không có thay đổi nhiều so với kết quả của bài kiểm tra sau (3.6-3.7) (điểm trung bình IELTS).

Từ kết quả trên, có thể kết luận như sau lợi ích của việc sử dụng video có thể không cải thiện được năng lực nghe hiểu cho nhóm ở trình độ sơ cấp. Bởi vì đặc điểm của các bài liệu xác thực (authentic) là khó và học sinh ở trình độ sơ cấp gặp

khó khăn trong việc hiểu nội dung của video. Hay nói cách khác, kết quả này chứng minh rằng các tài liệu xác thực không phù hợp cho những học sinh ít kinh nghiệm trong việc luyện nghe với video cải thiện khả năng nghe hiểu của mình.

Kết quả với nhóm ở trình độ tiền trung cấp

Kết quả của nhóm có trình độ trung cấp thể hiện có sự thay đổi từ 4.57 đến 4.98 (điểm trung bình IELTS). Dựa trên kết quả này, có thể thấy rằng học sinh ở trình độ trung cấp có cải thiện khả năng nghe hiểu của mình một cách đáng kể.

Kết quả với nhóm ở trình độ trung cấp.

Đối với học sinh ở trình độ trên trung cấp, năng lực nghe hiểu của học sinh thể hiện rõ ràng từ 5.53 đến 5.92 (điểm trung bình IELTS). Có một sự khác biệt lớn trong kết quả của bài kiểm tra năng lực đầu tiên và cuối cùng.

Học sinh ở trình độ trung cấp và trên trung cấp đạt được kết quả cao hơn so với học sinh ở trình độ sơ cấp. Kết quả này chứng minh rằng việc áp dụng video trong dạy nghe giúp cải thiện khả năng nghe hiểu của học sinh.

2.6.2. Quan điểm của học sinh về việc sử dụng video trong học nghe hiểu.

Sau khi áp dụng video trong dạy kỹ năng nghe hiểu, một bản khảo sát được thực hiện để tìm hiểu về thái độ và quan điểm của học sinh về việc học tập với video trong giờ nghe. Dựa trên bảng tổng hợp về nhận xét và thái độ của học sinh, học sinh ở mức độ trung cấp có thái độ tích cực hơn trong việc học tập với video so với hai nhóm còn lại. Nhìn chung, hầu hết học sinh cho rằng việc sử dụng video trong kỹ năng nghe hiểu là một phương pháp thú vị và hiệu quả. Phần lớn học sinh nhận định rằng việc xem video giúp phát triển khả năng tiếng Anh, là động lực thúc đẩy để học sinh cố gắng hoàn thiện khả năng của mình. Dựa vào kết quả phân tích, tất cả học sinh từ ba nhóm đều không thể hiện sự khác biệt về thái độ trong khi nhận xét về việc học tập với video trong giờ học nghe hiểu.

Lợi ích của việc sử dụng các tài liệu video

Về lợi ích của các tài liệu video, kết quả thể hiện rằng không có sự khác biệt đáng kể được thể hiện qua sự đánh giá của mỗi nhóm. Trong các tài liệu video, phim được yêu thích hơn cả so với các tài liệu còn lại. Đối với nhóm ở trình độ sơ cấp, việc học thông qua talkshow và tin tức thì ít hiệu quả hơn so với các thể loại khác. Nhóm học sinh ở trình độ trung cấp cho rằng thể loại talkshow và quảng cáo là ít hiệu quả. Đối với nhóm ở trình độ trên trung cấp, quảng cáo được đánh giá là ít hiệu quả hơn. Nhìn chung, hầu hết học sinh đều yêu thích học nghe hiểu thông qua xem phim để luyện tập khả năng. Việc sử dụng phim trong dạy nghe hiểu giúp học sinh có hứng thú và cải thiện khả năng nghe hiểu.

Sự yêu thích các tài liệu học

Liên quan đến số lần xem một video để tăng khả năng nghe hiểu, kết quả phân tích chỉ ra rằng hầu hết các câu trả lời đều không có sự khác biệt trong ba nhóm học sinh. Phần lớn học sinh trong ba nhóm đều muốn xem video từ hai đến ba lần. Trong khi đó, học sinh ở nhóm trình độ sơ cấp lại muốn xem tài liệu hơn bốn lần để cải thiện khả năng nghe hiểu của mình.

Theo như kết quả phân tích từ các câu hỏi trong bản khảo sát thì không có sự khác biệt nhiều trong ba nhóm. Phần lớn học sinh tỏ thái độ thích học nghe hiểu với các tài liệu video. Trong bản khảo sát về quan điểm và thái độ của học sinh về việc sử dụng video trong học tập, có hai câu hỏi mở được đưa ra để tìm hiểu rõ hơn ý kiến của học sinh về lợi ích và bất lợi của việc sử dụng video. Với câu hỏi về lợi ích của việc học tập thông qua tài liệu video, phần lớn học sinh cho rằng việc sử dụng video trong học nghe là thú vị, hiệu quả, giúp ích cho việc cải thiện kỹ năng nghe. Liên quan đến các bất lợi trong việc sử dụng video khi nghe, nhiều học sinh cho rằng các video còn khó, tốc độ nói nhanh. Ngoài ra, những thành ngữ, nội dung trong video cũng khiến học sinh khó nắm bắt được các ý chính.

Nói tóm lại, việc sử dụng video trong quá trình học nghe hiểu giúp học sinh hứng thú hơn khi luyện nghe, giúp học sinh tiếp cận được cách nói tiếng Anh trong những tình huống thực tế ngoài đời thường. Tuy nhiên, các học sinh trong nhóm

trình độ sơ cấp còn gặp khó khăn khi học tập theo phương pháp này. Hầu hết học sinh thể hiện thái độ tích cực với cách học tập này. Kết quả phân tích cũng chỉ ra rằng, việc học tập với video trong các tiết học nghe mang lại hiệu quả hơn so với các học nghe truyền thống.

III. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

3.1. Kết luận

Mục đích chính của việc dạy kỹ năng nghe trong Tiếng Anh là giúp cho người học hiểu được nội dung trong ngữ cảnh. Từ cơ sở lý thuyết được đưa ra thì việc sử dụng video trong dạy học kỹ năng nghe mang lại cả thuận lợi và khó khăn. Tuy nhiên, hầu hết các nhà nghiên cứu đều cho rằng việc sử dụng video là một công cụ hiệu quả để cải thiện và nâng cao kỹ năng nghe hiểu của người học. Ngoài ra, việc áp dụng phương pháp này khơi gợi hứng thú và tạo động lực cho người học. Các nhà nghiên cứu tập trung vào các khía cạnh khác nhau của việc sử dụng video trong dạy kỹ năng nghe hiểu và những ảnh hưởng của nó đối với việc học nghe hiểu của người học.

Trong nghiên cứu này, tác giả tập trung vào hai câu hỏi nghiên cứu sau: Liệu việc sử dụng video trong dạy nghe có tạo động lực và hứng thú cho học sinh và liệu việc áp dụng phương pháp này có cải thiện kỹ năng nghe hiểu của học sinh. Đối với câu hỏi nghiên cứu thứ nhất, dựa trên kết quả phân tích dữ liệu tác giả có thể kết luận rằng hầu hết học sinh ở ba trình độ đều hứng thú và động lực khi được học nghe với các tài liệu video. Thông qua việc phân tích các câu trả lời cho các câu hỏi trong bản khảo sát ý kiến, các học sinh cho rằng so với cách học truyền thống, cách học mới này mang lại cho học sinh niềm hứng khởi hơn. Ngoài ra, các tài liệu video cũng rất bổ ích trong việc giúp học sinh hiểu được hơn các cách thể hiện phi ngôn ngữ qua đó phản ánh đặc điểm văn hóa của quốc gia đó. Đối với tất cả các tài liệu video, đa số học sinh đều có chung nhận xét rằng phim là nguồn tài liệu mà học sinh yêu thích nhất khi học nghe.

Liên quan đến việc liệu phương pháp này có thúc đẩy kỹ năng nghe của học sinh hay không thì dựa vào số liệu trong hai bài kiểm tra trước và sau khi áp dụng phương pháp này, hầu hết các học sinh ở trình độ trung cấp và trên trung cấp có sự tiến bộ trong kỹ năng nghe. Tuy nhiên, học sinh ở trình độ sơ cấp thì không có nhiều tiến bộ giữa hai bài kiểm tra kỹ năng nghe. Sự hiệu quả của việc sử dụng

video trong học nghe hiệu quả hơn đối với học sinh ở trình độ từ trung cấp trở lên. Kết quả nghiên cứu này có cùng với kết quả nghiên cứu của J. Maneekul về “việc sử dụng các tài liệu xác thực để thúc đẩy kỹ năng nghe cho sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh” (2002).

3.2. Khuyến nghị

Những tài liệu thực tế này đôi khi còn khó cho học sinh ở mức độ sơ cấp để hiểu nội dung của bài. Do đó, các thầy cô nên cân nhắc để chọn các video phù hợp về sở thích, trình độ. Hơn nữa, để việc sử dụng video trong dạy kỹ năng trở nên thực sự hiệu quả, người dạy cần cân nhắc xem cần phải phát lại video bao nhiêu lần để đảm bảo người học hiểu được các nội dung chính và thông tin quan trọng trong bài.

3.3. Hạn chế và gợi ý cho các nghiên cứu khác

Hạn chế của nghiên cứu này đó là đối tượng nghiên cứu còn hạn chế. Do đó, kết quả nghiên cứu này không thể bao quát cho tất cả học sinh ở trình độ lớp 10. Chính vì thế, cần có thêm nhiều nghiên cứu về chủ đề này hơn với phạm vi đối tượng rộng hơn. Ngoài ra, những nghiên cứu về việc sử dụng video trong các kỹ năng khác như đọc và nói nên được thực hiện để có nhiều kết luận về việc sử dụng video trong dạy học Tiếng Anh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anderson, A., & Lynch, T. (1988). Listening. London: Oxford University Press.
2. Finocchiaro, M. (1973). The Foreigner Language Learner. USA: Regents Publishing Company, Inc.
3. Nunan, D. (1991). The learner-centered curriculum. Cambridge: Cambridge University Press.
4. Sue, S.W. (2003). The Effects Of Text Types On Listening Comprehension. Selected Paper from the 12th International Symposium on English Teaching, p.511-520. Taipei: Crane.
5. Ur, P. (1984). Teaching Listening Comprehension. Cambridge: Cambridge University Press.
6. Bryman, A. (2006). Integrating quantitative and qualitative research: how is it done? Qualitative Research
7. Bryman, A., & Burgess, B. (2002). Analyzing qualitative data.
8. Dahlberg, L., & McCaig, C. (2010). Practical research and evaluation. Los Angeles: Sage
9. Sandelowski, M. (2000). Focus on research methods combining qualitative and quantitative sampling, data collection, and analysis techniques. Research in nursing & health
10. IELTS Cambridge 10, Cambridge University Press

SURVEY QUESTIONS

This survey is carried out in order to investigate students' opinion and attitude about learning with video for listening skill. You are invited to answer these questions with a view to providing the researcher valuable information. All of your contributions are highly appreciated. Please tick the option “strongly agree” “agree” “neutral” “disagree” or “strongly disagree”

Statements	Strongly agree	Agree	Neutral	Disagree	Strongly disagree
I found that practising listening with video is interesting.					
It is easy for me to understand the content of the video.					
I could learn many new words and new things from the video.					
I like learning with the video in listening lesson more than learning with CD as usual.					
I find it hard to follow the lesson.					
What are advantages of learning with video in listening lesson?					
What are disadvantages of learning with video in listening lesson?					

Test 1

LISTENING

SECTION 1 Questions 1–10

Complete the notes below.

Write **NO MORE THAN THREE WORDS AND/OR A NUMBER** for each answer.

JOB ENQUIRY

Example

- **Work at:** a restaurant

- **Type of work:** 1
- **Number of hours per week:** 12 hours
- **Would need work permit**
- **Work in the:** 2 branch
- **Nearest bus stop:** next to 3
- **Pay:** 4 £ an hour
- **Extra benefits:**
 - a free dinner
 - extra pay when you work on 5
 - transport home when you work 6
- **Qualities required:**
 - 7
 - ability to 8
- **Interview arranged for:** Thursday 9 at 6 p.m.
- **Bring the names of two referees**
- **Ask for:** Samira 10

SECTION 2 Questions 11–20**Questions 11–16**

Complete the notes below.

Write **ONE WORD AND/OR A NUMBER** for each answer.

SPORTS WORLD

- a new **11** of an international sports goods company
- located in the shopping centre to the **12** of Bradcaster
- has sports **13** and equipment on floors 1 – 3
- can get you any item within **14** days
- shop specialises in equipment for **15**
- has a special section which just sells **16**

Test 1

Questions 17 and 18

Choose the correct letter, **A**, **B** or **C**.

- 17** A champion athlete will be in the shop
- A** on Saturday morning only.
 - B** all day Saturday.
 - C** for the whole weekend.
- 18** The first person to answer 20 quiz questions correctly will win
- A** gym membership.
 - B** a video.
 - C** a calendar.

Questions 19 and 20

Choose **TWO** letters, **A–E**.

Which **TWO** pieces of information does the speaker give about the fitness test?

- A** You need to reserve a place.
- B** It is free to account holders.
- C** You get advice on how to improve your health.
- D** It takes place in a special clinic.
- E** It is cheaper this month.

SECTION 3 Questions 21–30

Choose the correct letter, **A**, **B** or **C**.

Course Feedback

- 21** One reason why Spiros felt happy about his marketing presentation was that
- A** he was not nervous.
 - B** his style was good.
 - C** the presentation was the best in his group.
- 22** What surprised Hiroko about the other students' presentations?
- A** Their presentations were not interesting.
 - B** They found their presentations stressful.
 - C** They didn't look at the audience enough.
- 23** After she gave her presentation, Hiroko felt
- A** delighted.
 - B** dissatisfied.
 - C** embarrassed.
- 24** How does Spiros feel about his performance in tutorials?
- A** not very happy
 - B** really pleased
 - C** fairly confident
- 25** Why can the other students participate so easily in discussions?
- A** They are polite to each other.
 - B** They agree to take turns in speaking.
 - C** They know each other well.
- 26** Why is Hiroko feeling more positive about tutorials now?
- A** She finds the other students' opinions more interesting.
 - B** She is making more of a contribution.
 - C** The tutor includes her in the discussion.
- 27** To help her understand lectures, Hiroko
- A** consulted reference materials.
 - B** had extra tutorials with her lecturers.
 - C** borrowed lecture notes from other students.

- 28** What does Spiros think of his reading skills?
- A** He reads faster than he used to.
 - B** It still takes him a long time to read.
 - C** He tends to struggle with new vocabulary.
- 29** What is Hiroko's subject area?
- A** environmental studies
 - B** health education
 - C** engineering
- 30** Hiroko thinks that in the reading classes the students should
- A** learn more vocabulary.
 - B** read more in their own subject areas.
 - C** develop better reading strategies.

SECTION 4 Questions 31–40

Complete the notes below.

Write **NO MORE THAN TWO WORDS** for each answer.

Mass Strandings of Whales and Dolphins

Mass strandings: situations where groups of whales, dolphins, etc. swim onto the beach and die

Common in areas where the **31** can change quickly

Several other theories:

Parasites

e.g. some parasites can affect marine animals' **32**, which they depend on for navigation

Toxins

Poisons from **33** or are commonly consumed by whales

e.g. Cape Cod (1988) – whales were killed by saxitoxin

Accidental Strandings

Animals may follow prey ashore, e.g. Thurston (1995)

Unlikely because the majority of animals were not **34** when they stranded

Human Activity

35 from military tests are linked to some recent strandings

The Bahamas (2000) stranding was unusual because the whales

- were all **36**
- were not in a **37**

Group Behaviour

- More strandings in the most **38** species of whales
- 1994 dolphin stranding – only the **39** was ill

Further Reading

Marine Mammals Ashore (Connor) – gives information about stranding **40**

Test 2

LISTENING

SECTION 1 Questions 1–10

Complete the form below.

Write **ONE WORD AND/OR A NUMBER** for each answer.

Accommodation Form – Student Information	
<i>Example</i>	
Type of accommodation:	hall..... of residence
Name:	Anu 1
Date of birth:	2
Country of origin:	India
Course of study:	3
Number of years planned in hall:	4
Preferred catering arrangement:	half board
Special dietary requirements:	no 5 (red)
Preferred room type:	a single 6
Interests:	the 7 badminton

Priorities in choice of hall:	to be with other students who are 8 to live outside the 9 to have a 10 area for socialising
Contact phone number:	667549

SECTION 2 Questions 11–20

Questions 11–13

Complete the table below.

Write **NO MORE THAN THREE WORDS** for each answer.

Parks and open spaces

Name of place	Of particular interest	Open
Halland Common	source of River Ouse	24 hours
Holt Island	many different 11	between 12 and
Longfield Country Park	reconstruction of a 2,000-year-old 13with activities for children	daylight hours

Questions 14–16

Choose the correct letter, **A**, **B** or **C**.

Longfield Park

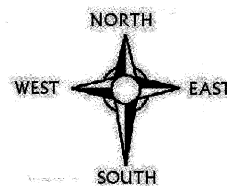
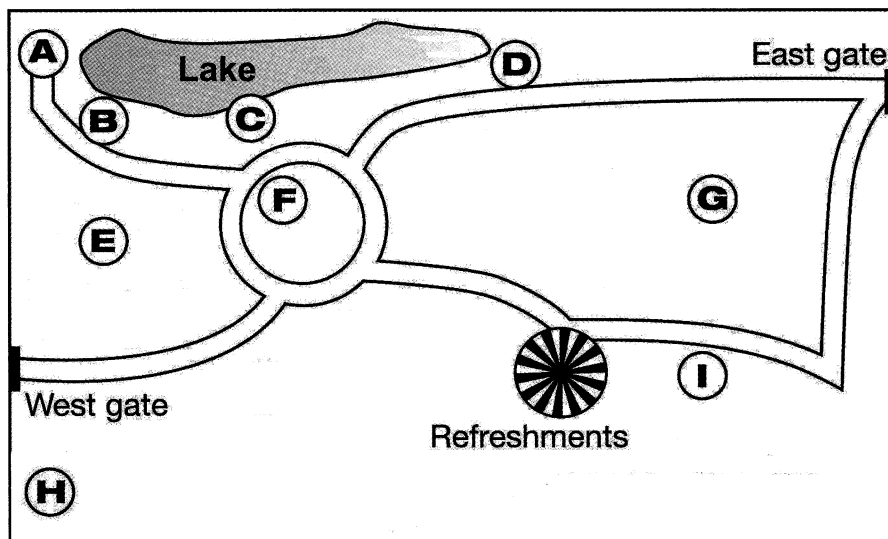
- 14** As part of Monday's activity, visitors will
- A** prepare food with herbs.
 - B** meet a well-known herbalist.
 - C** dye cloth with herbs.
- 15** For the activity on Wednesday,
- A** only group bookings are accepted.
 - B** visitors should book in advance.
 - C** attendance is free.
- 16** For the activity on Saturday, visitors should
- A** come in suitable clothing.
 - B** make sure they are able to stay for the whole day.
 - C** tell the rangers before the event what they wish to do.

Questions 17–20

Label the map below.

Write the correct letter, **A–I**, next to questions 17–20.

Hinchingbrooke Park



- 17 bird hide
- 18 dog-walking area
- 19 flower garden
- 20 wooded area

SECTION 3 Questions 21–30

Questions 21–24

Choose the correct letter, **A**, **B** or **C**.

Self-Access Centre

- 21** Students want to keep the Self-Access Centre because
- A** they enjoy the variety of equipment.
 - B** they like being able to work on their own.
 - C** it is an important part of their studies.
- 22** Some teachers would prefer to
- A** close the Self-Access Centre.
 - B** move the Self-Access Centre elsewhere.
 - C** restrict access to the Self-Access Centre.
- 23** The students' main concern about using the library would be
- A** the size of the library.
 - B** difficulty in getting help.
 - C** the lack of materials.
- 24** The Director of Studies is concerned about
- A** the cost of upgrading the centre.
 - B** the lack of space in the centre.
 - C** the difficulty in supervising the centre.

Questions 25–30

Complete the notes below.

Write **NO MORE THAN TWO WORDS** for each answer.

Necessary improvements to the existing Self-Access Centre

Equipment

Replace computers to create more space.

Resources

The level of the **25** materials, in particular, should be more clearly shown.

Update the **26** collection.

Buy some **27** and divide them up.

Use of the room

Speak to the teachers and organise a **28** for supervising the centre.

Install an **29**

Restrict personal use of **30** on computers.

SECTION 4 Questions 31–40

Complete the notes below.

Write **ONE WORD ONLY** for each answer.

Business Cultures

Power culture

Characteristics of organisation

- small
- **31** power source
- few rules and procedures
- communication by **32**

Advantage:

- can act quickly

Disadvantage:

- might not act **33**

Suitable employee:

- not afraid of **34**
- doesn't need job security

Role culture

Characteristics of organisation:

- large, many **35**
- specialised departments
- rules and procedure, e.g. job **36** and rules for discipline

Advantages:

- economies of scale
- successful when **37** ability is important

Disadvantages:

- slow to see when **38** is needed
- slow to react

Suitable employee:

- values security
- doesn't want **39**

Task culture

Characteristics of organisation:

- project orientated
- in competitive market or making product with short life
- a lot of delegation

Advantage:

- **40**

Disadvantages:

- no economies of scale or special expertise

Suitable employee:

- likes to work in groups

Listening and Reading Answer Keys

TEST 1

LISTENING

Section 1, Questions 1–10

- 1 answer(ing) (the) phone
- 2 Hillsdunne Road
- 3 library
- 4 4.45
- 5 national holidays
- 6 after 11 (o'clock)
- 7 clear voice
- 8 think quickly
- 9 22 October
- 10 Manuja

Section 2, Questions 11–20

- 11 branch
- 12 west
- 13 clothing
- 14 10
- 15 running
- 16 bags
- 17 A
- 18 A
- 19&20 **IN EITHER ORDER**
- A
- E

Section 3, Questions 21–30

- 21 B
- 22 C
- 23 B
- 24 A
- 25 C
- 26 B
- 27 A
- 28 B
- 29 C
- 30 B

Section 4, Questions 31–40

- 31 tide/tides
- 32 hearing/ear/ears
- 33 **IN EITHER ORDER; BOTH REQUIRED FOR ONE MARK**
- plants
- animals/fish/fishes
- 34 feeding
- 35 noise/noises
- 36 healthy
- 37 group
- 38 social
- 39 leader
- 40 network/networks

If you score...

0–12	13–29	30–40
you are unlikely to get an acceptable score under examination conditions and we recommend that you spend a lot of time improving your English before you take IELTS.	you may get an acceptable score under examination conditions but we recommend that you think about having more practice or lessons before you take IELTS.	you are likely to get an acceptable score under examination conditions but remember that different institutions will find different scores acceptable.

TEST 2**LISTENING****Section 1, Questions 1–10**

- 1 Bhatt
- 2 31 March
- 3 nursing
- 4 2
- 5 meat
- 6 bedsit
- 7 theatre/theater
- 8 mature/older
- 9 town
- 10 shared

Section 2, Questions 11–20

- 11 trees
- 12 Friday/Sunday
- 13 farm
- 14 C
- 15 B
- 16 A
- 17 A
- 18 I
- 19 F
- 20 E

Section 3, Questions 21–30

- 21 C
- 22 B
- 23 B
- 24 C
- 25 reading
- 26 CD
- 27 workbooks
- 28 timetable/schedule
- 29 alarm
- 30 email/emails

Section 4, Questions 31–40

- 31 central
- 32 conversation/conversations
- 33 effectively
- 34 risk/risks
- 35 levels
- 36 description/descriptions
- 37 technical
- 38 change
- 39 responsibility
- 40 flexible

If you score...

0–12	13–29	30–40
you are unlikely to get an acceptable score under examination conditions and we recommend that you spend a lot of time improving your English before you take IELTS.	you may get an acceptable score under examination conditions but we recommend that you think about having more practice or lessons before you take IELTS.	you are likely to get an acceptable score under examination conditions but remember that different institutions will find different scores acceptable.